

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 236/2022/HS-ST Ngày: 12 - 12 -2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ngọc Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm đã thụ lý số: 242/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:295/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh N, sinh năm:1994, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: số X đường T, phường Tây T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc:kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1962; Chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: Không; Tạm giam: 30/6/2022; (Có mặt).

2. Đồng Vũ T, sinh năm:1994, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: số F hẻm Y đường Tân Kỳ Tân Q, phường Tân Sơn N, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Nhà không số, tổ B, xã Vĩnh Lộc A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Kim H, sinh năm 1976 và bà Vũ Thị Kim P, sinh năm 1972;

chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: không; Tạm giam: 30/6/2022; (Có mặt).

Bị hại: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1982; Hộ khẩu thường trú: tổ A, phường B thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; Tạm trú: số N đường Nguyễn Tư G, Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh,(Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1991; Trú tại: số X đường T, phường Tây T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng lúc 20 giờ 30 phút ngày 30/6/2022, Đồng Vũ T điều khiển xe mô tô mang BKS: 54V3 - 6623 chở theo Nguyễn Minh N lưu thông trên đường Phan Huy Ích, phường 12, quận Gò Vấp. Lúc này, T nhìn thấy bà Nguyễn Thị T1 đang điều khiển xe mô tô lưu thông cùng chiều đường Phan Huy Ích đang chở theo một bé gái đồng thời hộc bên trái, phía trước xe mô tô của chị T1 có để 01 điện thoại di động Sam Sung A31 nên T nói với N giật điện thoại di động trên của chị T1 thì N đồng ý. Cả hai điều khiển xe chạy theo xe bà T1 đến đầu hẻm X Phan Huy Ích thì T nói với N “Thôi bỏ đi” nhưng N nói với T “Làm luôn đi”, nghe vậy nên T tiếp tục điều khiển xe bám theo bà T1. Khi bà T1 điều khiển xe mô tô đến trước địa chỉ Y Phan Huy Ích, Phường Z, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thì T điều khiển xe mô tô áp sát song song bên trái xe mô tô của bà T1 thì N đưa tay phải vào hộc trái xe mô tô của bà T1, giật được chiếc điện thoại di động này thì T tăng ga xe mô tô chạy thẳng về phía trước. Lúc này, bà T1 vừa tri hô “cướp, cướp” vừa cùng người dân điều khiển xe mô tô đuổi theo xe mô tô của T và N đến trước địa chỉ E Phan Huy Ích, phường H, quận Gò Vấp (cách vị trí T, N giật điện thoại di động của bà T1 khoảng 75 mét) thì người dân đi đường hỗ trợ bà T1 bắt khống chế được cả T và N, N vẫn đang cầm trong lòng bàn tay phải chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung A31 vừa giật được của bà T1. Ngay sau đó, Công an phường 12, quận Gò Vấp cũng có mặt đưa T, N, phương tiện gây án là xe mô tô biển số 54V3 – 6623, điện thoại di động Sam Sung A31 của bà T1 đưa về trụ sở Công an phường 12, quận Gò Vấp lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp Đồng Vũ T và Nguyễn Minh N đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu SangSung A31 (là

tài sản chiếm đoạt của bà T1). Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 21/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp kết luận chiếc điện thoại di động nêu trên đã qua sử dụng tại thời điểm định giá có trị giá 2.233.333 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là bà Nguyễn Thị T1.

- 01 điện thoại di động đã qua sử dụng OPPO A3S thu giữ của T.
- 01 điện thoại di động đã qua sử dụng Iphone SE màu trắng thu giữ của N.

- 01 chiếc xe mô tô biển số 54V3 – 6623, số máy: HC12E-1552336, số khung: KLHHC12029Y-524200 (là phương tiện T, N sử dụng thực hiện hành vi phạm tội). Qua xác minh được biết xe này do anh Võ Duy P đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại địa chỉ Võ Duy P không còn cư trú tại G Quang Trung, phường H, quận Gò Vấp chuyển đi đâu không rõ nên Cơ quan điều tra không lấy được lời khai. Nguyễn Minh N khai mượn chiếc xe này của anh ruột Nguyễn Minh L để sử dụng sau đó sử dụng đi cướp giật tài sản thì anh L không biết. Ông Nguyễn Minh L khai nhận mua chiếc xe biển số 54V3-6623 của anh Lữ Đình N2 (cư ngụ tại: xã Hải N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) vào tháng 10/2021 với số tiền 9.400.000 đồng, khi mua anh Đình N2 có làm giấy mua bán xe viết tay và giao cho ông L 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Võ Duy P. Ngày 30/6/2022 ông L có cho bị can N mượn xe rồi N sử dụng đi cướp giật tài sản. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng đến nay vẫn chưa ai đến liên hệ.

Tại bản cáo trạng số 234/CTr-VKS, ngày 21/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố Nguyễn Minh N và Đồng Vũ T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự 2015 đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đề nghị: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đồng Vũ T từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù.

Miễn phạt bổ sung cho các bị cáo.

Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 và khoản 1, điểm a,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015;

Trả lại cho ông Nguyễn Minh L 01 chiếc xe mô tô biển số 54V3 –

6623, ông L có trách nhiệm thực hiện việc sang tên đôi chủ.

Tại phiên tòa hôm nay khi nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp công bố bản cáo trạng thì Nguyễn Minh N và Đồng Vũ T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật vụ án được thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Đối chiếu với điều luật tương ứng do Bộ luật Hình sự quy định, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Nguyễn Minh N và Đồng Vũ T đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt trừng trị được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, giữa nơi công cộng đông người qua lại các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra và bất chấp cả sự trừng trị của pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo hộ, gây mất trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cho bản thân các bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác rất táo bạo và liều lĩnh. Do các bị cáo sử dụng xe gắn máy là nguồn nguy hiểm cao độ thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp truy tố các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất đồng phạm giản

đơn, cả hai bị cáo cùng rủ rê nhau thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người điều khiển xe tạo điều kiện cho bị cáo N là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật do đó mỗi bị cáo phải chịu mức hình phạt theo mức độ lỗi của mình. Cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi và tội lỗi của từng bị cáo đã thực hiện nhằm giúp các bị cáo sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, học tập cải tạo lại mình trở thành người tốt hơn có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét một số tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của các bị cáo Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt. Nhưng qua hồ sơ thể hiện bà đã nhận lại được chiếc điện thoại bị chiếm đoạt, hiện không còn thắc mắc khiếu nại gì và xin vắng mặt tại phiên tòa.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc 01 (một) chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu SangSung A31, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Gò Vấp đã ra quyết định trả lại cho bà Nguyễn Thị T1. Hội đồng xét xử xét thấy việc trả lại tài sản đó là phù hợp quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên tại phiên tòa Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét lại.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng OPPO A3S thu giữ của T, là tài sản của T không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Gò Vấp đã ra quyết định trả lại cho Đồng Vũ T. Hội đồng xét xử xét thấy việc trả lại tài sản đó là phù hợp quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên tại phiên tòa Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét lại.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng Iphone SE màu trắng thu giữ của N, N khai chiếc điện thoại này là của anh trai Nguyễn Minh L, xét thấy chiếc điện thoại không liên quan đến vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Gò Vấp đã ra quyết định trả lại cho ông Nguyễn Minh L. Hội đồng xét xử xét thấy việc trả lại tài sản đó là phù hợp quy định

của pháp luật và không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên tại phiên tòa Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét lại.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 54V3 – 6623, số máy: HC12E-1552336, số khung: KLHHC12029Y-524200 (là phương tiện T, N sử dụng thực hiện hành vi phạm tội). Qua xác minh được biết xe này do anh Võ Duy P đứng tên chủ sở hữu. Xác minh tại địa chỉ Võ Duy P không còn cư trú tại G Quang Trung, phường H, quận Gò Vấp chuyển đi đâu không rõ nên Cơ quan điều tra không lấy được lời khai. Nguyễn Minh N khai mượn chiếc xe này của anh ruột Nguyễn Minh L để sử dụng sau đó sử dụng đi cướp giật tài sản thì anh L không biết. Ông Nguyễn Minh L khai nhận mua chiếc xe biển số 54V3-6623 của anh Lữ Đình N2 (cư ngụ tại: xã Hải N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) vào tháng 10/2021 với số tiền 9.400.000 đồng, khi mua anh Đình N2 có làm giấy mua bán xe viết tay và giao cho ông L 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Võ Duy P. Ngày 30/6/2022 ông L có cho N mượn xe rồi N sử dụng đi cướp giật tài sản. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng đến nay vẫn chưa ai đến liên hệ, xét thấy thời gian đăng trên thông tin đại chúng phù hợp với quy định pháp luật và việc mua bán là ngay tình, Hội đồng xét xử quyết định trả lại chiếc xe trên cho ông Nguyễn Minh L. Ông L có trách nhiệm liên hệ Cơ quan chức năng thực hiện việc sang tên đổi chủ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh N và Đồng Vũ T phạm tội “Cướp giật tài sản” .

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/6/2022.

Xử phạt bị cáo Đồng Vũ T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/6/2022.

Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 và khoản 1, điểm a,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trả cho ông Nguyễn Minh L 01 (một) xe mô tô biển số 54V3 – 6623, số máy: HC12E-1552336, số khung: KLHHC12029Y-524200.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 161/PNK, ngày 04/11/2022 của Công an quận Gò Vấp).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Các bị cáo, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận: - TAND TP. HCM; - Viện kiểm sát Q. Gò Vấp; - Thi hành án Q. Gò Vấp; - Công an Q. Gò Vấp; - Bị cáo; - Bị hại - Người CQLNVLQ; - Lưu: HS, VP.	TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa Lê Hoàng Ngọc Hải
--	--

PAGE

PAGE 6